BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2013/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2013*

THÔNG TƯ
Quy định đánh giá nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Thông tư số 07/2011/TT-BKHCN ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định đánh giá nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc đánh giá nghiệm thu các dự án nhóm Trung ương quản lý và các dự án nhóm ủy quyền địa phương quản lý thuộc Chương trình Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015 (sau đây gọi tắt là Chương trình Nông thôn miền núi).

2. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án của Chương trình Nông thôn miền núi; tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc, trình tự đánh giá nghiệm thu dự án

1. Nguyên tắc đánh giá nghiệm thu dự án:

a) Công khai, minh bạch, khách quan, khoa học;

b) Tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

2. Đánh giá nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi được thực hiện theo trình tự sau:

a) Bước 1: đánh giá kết quả thực hiện mô hình của dự án, là việc thẩm định và xác nhận kết quả đạt được so với nội dung, tiêu chí của các mô hình đã được phê duyệt trong thuyết minh dự án; phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện mô hình; tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện mô hình; hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của mô hình; khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng của mô hình đã được thực hiện tại địa bàn triển khai xây dựng mô hình.

Đánh giá kết quả thực hiện mô hình của dự án phải được thực hiện đối với tất cả các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi.

b) Bước 2: đánh giá nghiệm thu dự án, là việc thẩm định và xác nhận kết quả đạt được so với nội dung hợp đồng thực hiện dự án (trong đó thuyết minh dự án và các tài liệu pháp lý liên quan khác là một bộ phận của hợp đồng) sau khi kết thúc hợp đồng.

3. Đánh giá nghiệm thu dự án nhóm ủy quyền địa phương quản lý được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập hoặc ủy quyền Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh).

4. Đánh giá nghiệm thu dự án nhóm Trung ương quản lý được thực hiện qua 2 cấp là cấp tỉnh và cấp Nhà nước:

a) Cấp tỉnh: thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

b) Cấp Nhà nước: đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp Nhà nước được thực hiện thông qua Hội đồng khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập (sau đây gọi tắt là Hội đồng nghiệm thu cấp Nhà nước).

5. Trong thời hạn 07 ngày trước khi tiến hành đánh giá nghiệm thu Sở Khoa học và Công nghệ nơi thực hiện dự án (đối với nghiệm thu cấp tỉnh) và Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi (đối với nghiệm thu cấp Nhà nước) đăng tải trên trang thông tin điện tử các thông tin sau:

a) Thông tin chung về dự án: cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ, mục tiêu, nội dung và sản phẩm của dự án;

b) Thời gian, địa điểm dự kiến tiến hành nghiệm thu.

Điều 3. Tổ đánh giá kết quả thực hiện mô hình

1. Việc đánh giá kết quả thực hiện mô hình được thực hiện thông qua Tổ đánh giá do cơ quan chủ trì dự án thành lập.

2. Tổ đánh giá có từ 05 đến 07 thành viên gồm đại diện của các đơn vị: cơ quan chủ trì dự án; chính quyền cấp huyện hoặc cấp xã nơi triển khai thực hiện mô hình; Sở Khoa học và Công nghệ.

Tổ đánh giá có tổ trưởng, tổ phó và các thành viên, 01 thư ký hành chính giúp việc là cán bộ của cơ quan chủ trì dự án.

3. Trong trường hợp cần thiết tổ trưởng Tổ đánh giá có quyền đề nghị cơ quan chủ trì dự án mời đại diện cơ quan chuyển giao công nghệ, một số sở, ngành có liên quan và những người có chuyên môn phù hợp tham gia phiên họp của Tổ đánh giá.

4. Tổ đánh giá có trách nhiệm đánh giá kết quả mô hình theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Thông tư này.

Điều 4. Hội đồng đánh giá nghiệm thu dự án cấp tỉnh

1. Hội đồng cấp tỉnh có từ 07 đến 09 thành viên, gồm đại diện các đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện một số sở, ngành có liên quan của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; một số nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với nội dung của dự án. Hội đồng có 01 hoặc 02 thư ký hành chính giúp việc là cán bộ của Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Đại diện cơ quan chủ trì, đại diện cơ quan chuyển giao công nghệ, chủ nhiệm dự án, các cá nhân tham gia thực hiện và chuyển giao công nghệ không được tham gia Hội đồng cấp tỉnh.

3. Hội đồng cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá nghiệm thu dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

4. Đại diện Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi được mời tham dự phiên họp của Hội đồng.

Điều 5. Hội đồng đánh giá nghiệm thu dự án cấp Nhà nước

1. Hội đồng cấp Nhà nước có từ 09 đến 11 thành viên, gồm đại diện cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan ở Trung ương và địa phương; một số nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với nội dung của dự án. Hội đồng có 02 thư ký hành chính giúp việc là cán bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đại diện cơ quan chủ trì, đại diện cơ quan chuyển giao công nghệ, chủ nhiệm dự án, các cá nhân tham gia thực hiện dự án và chuyển giao công nghệ không được tham gia Hội đồng cấp Nhà nước.

3. Hội đồng cấp Nhà nước có trách nhiệm đánh giá nghiệm thu dự án theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Thông tư này.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ thành lập Hội đồng cấp Nhà nước đối với các dự án được Hội đồng cấp tỉnh đánh giá "đạt" trở lên. Những dự án được Hội đồng cấp tỉnh đánh giá "không đạt" sẽ được Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức xem xét và xử lý theo các quy định hiện hành về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ được mời tham dự phiên họp của Hội đồng.

Điều 6. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng đánh giá nghiệm thu dự án

1. Phiên họp của Hội đồng đánh giá nghiệm thu các cấp phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và 02 ủy viên phản biện. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp; trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng thì Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội đồng.

2. Quy trình làm việc của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Thời hạn tổ chức đánh giá nghiệm thu dự án

1. Chậm nhất là 15 ngày trước thời điểm kết thúc hợp đồng thực hiện dự án, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án phải tổ chức đánh giá kết quả thực hiện mô hình. Đối với những mô hình có tính chất mùa vụ thì việc đánh giá kết quả thực hiện mô hình được tiến hành ngay sau khi kết thúc mùa vụ hoặc chậm nhất là 15 ngày sau khi kết thúc mùa vụ.

2. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án phải hoàn tất hồ sơ nghiệm thu cấp tỉnh và nộp về Sở Khoa học và Công nghệ. Việc đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án cấp tỉnh phải được hoàn thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá nghiệm thu hợp lệ.

3. Chậm nhất 45 ngày kể từ ngày nghiệm thu cấp tỉnh cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án phải hoàn tất hồ sơ nghiệm thu cấp Nhà nước và nộp về Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi. Việc đánh giá nghiệm thu dự án cấp Nhà nước phải hoàn thành trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước hợp lệ.

Chương II
TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DỰ ÁN

Điều 8. Đánh giá kết quả thực hiện mô hình

1. Hồ sơ phục vụ đánh giá kết quả thực hiện mô hình gồm: báo cáo kết quả thực hiện mô hình; quy trình kỹ thuật ứng dụng của dự án; các tài liệu có liên quan đến việc triển khai thực hiện mô hình.

2. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện mô hình phải thể hiện được các nội dung sau: kết quả đạt được so với nội dung, quy mô của các mô hình đã được phê duyệt trong thuyết minh dự án; phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện mô hình; tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện mô hình; hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của mô hình; khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng của mô hình và được thực hiện tại địa bàn triển khai xây dựng mô hình.

3. Căn cứ báo cáo kết quả thực hiện mô hình, Tổ đánh giá kết quả thực hiện mô hình thảo luận, đánh giá và xác nhận theo các nội dung:

a) Mức độ thực hiện nội dung và quy mô của mô hình so với hợp đồng và thuyết minh dự án;

b) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện mô hình;

c) Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện mô hình;

d) Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của mô hình;

đ) Khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng của mô hình.

4. Kết quả làm việc của Tổ đánh giá được thể hiện bằng biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Đánh giá nghiệm thu dự án cấp tỉnh

1. Chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm nộp 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang dạng PDF cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố.

2. Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh gồm:

a) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh của cơ quan chủ trì dự án;

b) Báo cáo tổng kết thực hiện dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án;

d) Các quy trình kỹ thuật ứng dụng của dự án;

đ) Thuyết minh và hợp đồng thực hiện dự án;

e) Các tài liệu và sản phẩm của dự án theo hợp đồng;

g) Các báo cáo và biên bản kiểm tra định kỳ;

h) Biên bản quyết toán tài chính hoặc biên bản xác nhận tình hình sử dụng kinh phí năm cuối của Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi nếu năm cuối chưa đến thời hạn quyết toán (đối với dự án nhóm Trung ương quản lý); Biên bản quyết toán tài chính hoặc biên bản xác nhận tình hình sử dụng kinh phí năm cuối của Sở Khoa học và Công nghệ nếu năm cuối chưa đến thời hạn quyết toán (đối với dự án nhóm ủy quyền địa phương quản lý); Báo cáo huy động và sử dụng kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương, nguồn khác (nếu có);

i) Biên bản của Tổ đánh giá kết quả thực hiện các mô hình;

k) Các văn bản có liên quan khác.

3. Nội dung đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh

a) Mức độ thực hiện nội dung, quy mô, sản phẩm và kết quả chuyển giao công nghệ so với hợp đồng: thực hiện nội dung, khối lượng so với hợp đồng; đánh giá hoạt động chuyển giao công nghệ; mức độ tiếp thu, làm chủ công nghệ của cá nhân, đơn vị tiếp nhận công nghệ;

b) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án;

c) Năng lực, hiệu quả sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án;

d) Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án;

đ) Khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng kết quả của dự án.

4. Hội đồng cấp tỉnh đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này. Hội đồng tiến hành chấm điểm, xếp loại dự án theo phương thức bỏ phiếu kín.

5. Những hồ sơ nộp chậm trên 60 ngày đến 90 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự án nhóm Trung ương quản lý) hoặc của Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự án nhóm ủy quyền địa phương quản lý) sẽ bị trừ 10 điểm; nếu nộp chậm trên 90 ngày đến 180 ngày sẽ bị trừ 15 điểm; nếu nộp chậm trên 180 ngày đến 360 ngày sẽ bị trừ 20 điểm theo thang điểm quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này.

Trường hợp nộp chậm trên 360 ngày sẽ bị đánh giá "không đạt".

6. Xử lý kết quả đánh giá cấp tỉnh

a) Đối với các dự án được đánh giá "không đạt", Hội đồng cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, xác định những nội dung, công việc đã thực hiện được theo đúng hợp đồng làm căn cứ để Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, xử lý;

b) Đối với những dự án được đánh giá ở mức "đạt" trở lên, trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh kết thúc việc đánh giá, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyển giao công nghệ bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng và nộp 01 bộ hồ sơ gốc và và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang dạng PDF cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thanh lý hợp đồng đối với dự án nhóm ủy quyền địa phương quản lý và cho Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi đối với dự án nhóm Trung ương quản lý để tổ chức nghiệm thu cấp Nhà nước.

Điều 10. Đánh giá nghiệm thu dự án cấp Nhà nước

1. Chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm nộp 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang dạng PDF cho Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi.

2. Bộ hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước gồm:

a) Các tài liệu quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này;

b) Công văn đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước của cơ quan chủ trì;

c) Báo cáo kết quả thực hiện dự án đã được bổ sung và hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng cấp tỉnh; bản giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng;

d) Quyết định thành lập Hội đồng và Biên bản họp của Hội đồng cấp tỉnh.

3. Nội dung đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước

Căn cứ hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước và kết quả đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh, Hội đồng cấp Nhà nước đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các nội dung sau:

a) Đánh giá về công tác chuyển giao công nghệ;

b) Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng;

c) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án;

d) Quản lý tài chính dự án;

đ) Các nội dung quy định tại Điểm d, đ Khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

4. Hội đồng cấp Nhà nước đánh giá kết quả thực hiện dự án theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này. Hội đồng tiến hành chấm điểm, xếp loại dự án theo phương thức bỏ phiếu kín.

5. Những hồ sơ nộp chậm trên 45 ngày đến 90 ngày kể từ ngày đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh sẽ bị trừ 10 điểm; nếu nộp chậm trên 90 ngày đến 180 ngày sẽ bị trừ 15 điểm; nếu nộp chậm trên 180 ngày đến 360 ngày sẽ bị trừ 20 điểm theo thang điểm quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này.

Trường hợp nộp chậm trên 360 ngày sẽ bị đánh giá "không đạt".

6. Xử lý kết quả đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước

a) Đối với các dự án được đánh giá "không đạt", Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước có trách nhiệm xem xét, xác định những nội dung, công việc đã thực hiện được theo đúng hợp đồng làm căn cứ để Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, xử lý;

b) Đối với những dự án được đánh giá ở mức "đạt" trở lên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng cấp Nhà nước kết thúc phiên họp, chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chuyển giao công nghệ bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng và gửi 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang dạng PDF cho Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi để tổ chức thanh lý hợp đồng;

c) Đối với những dự án được đánh giá ở mức "xuất sắc" sẽ được Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét khen thưởng, hỗ trợ nhân rộng kết quả của dự án.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ của dự án

1. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện mô hình và thực hiện các quy định trong quá trình tổ chức đánh giá nghiệm thu theo đúng quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ của dự án có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết liên quan đến kết quả dự án theo yêu cầu của Tổ đánh giá, Hội đồng đánh giá nghiệm thu và chịu trách nhiệm về tính xác thực của tài liệu, thông tin đã cung cấp.

3. Trong quá trình thực hiện đánh giá nghiệm thu dự án, nếu có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về xử phạt hành chính.

4. Trường hợp cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ của dự án vi phạm một trong các điểm sau đây sẽ bị hủy kết quả đánh giá nghiệm thu và xếp loại, xử lý ở mức "không đạt":

a) Hồ sơ, tài liệu có nội dung giả mạo, không trung thực ở mức nghiêm trọng;

b) Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);

c) Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung dự án.

5. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ của dự án tự chịu các chi phí phát sinh để hoàn thiện báo cáo kết quả dự án theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá nghiệm thu các cấp do thực hiện chưa đúng với nội dung và yêu cầu đã ghi trong hợp đồng.

Điều 12. Trách nhiệm của Tổ đánh giá, Hội đồng và cá nhân tham gia đánh giá nghiệm thu dự án

Các thành viên Tổ đánh giá, Hội đồng đánh giá nghiệm thu, các cá nhân tham gia đánh giá nghiệm thu dự án có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc đánh giá và chịu trách nhiệm về các ý kiến tư vấn và các hành vi của mình trong quá trình tham gia đánh giá.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh các dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi triển khai thực hiện trên địa bàn theo đúng quy định.

2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định trong quá trình tổ chức đánh giá nghiệm thu dự án.

3. Tổ chức thanh lý hợp đồng đối với các dự án nhóm ủy quyền địa phương quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi

Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi giúp Ban chỉ đạo Chương trình và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ:

1. Tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước các dự án nhóm Trung ương quản lý theo đúng quy định.

2. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định trong quá trình tổ chức đánh giá nghiệm thu dự án.

3. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân, các địa phương trong việc thực hiện đánh giá nghiệm thu dự án.

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04/4/2013. Đối với các dự án có thời hạn kết thúc hợp đồng thực hiện trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thì được đánh giá nghiệm thu theo quy định có hiệu lực tại thời điểm đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nghiêm Vũ Khải

Phụ lục 1

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ MÔ HÌNH

(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BKHCN ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN MÔ HÌNH

1. Tên dự án:

2. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án:

3. Thời gian thực hiện dự án:

Hợp đồng số:..... ngày..... tháng..... năm.....

4. Tên mô hình:

5. Quyết định thành lập Tổ đánh giá kết quả thực hiện mô hình

Số..... ngày..... tháng..... năm.....

6. Địa điểm và thời gian họp Tổ đánh giá kết quả thực hiện mô hình:

7. Số thành viên Tổ đánh giá có mặt trên tổng số thành viên tổ đánh giá

...../.....; vắng..... thành viên, gồm các thành viên:

.....

.....

8. Khách mời:

1.....

2.....

.....

9. Nội dung đánh giá

- Mức độ thực hiện nội dung mô hình và quy mô so với hợp đồng

- Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện mô hình

- Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện mô hình

- Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của mô hình

- Khả năng duy trì và nhân rộng của mô hình

10. Kết luận và kiến nghị

Thư ký	**Tổ trưởng**
(Chữ ký và họ tên)	*(Chữ ký và họ tên)*

Phụ lục 2

MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT

(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BKHCN ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN

thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015"

A. Tóm tắt thông tin về dự án đã được phê duyệt và đã được điều chỉnh

(Phần này lấy từ thuyết minh dự án và các văn bản điều chỉnh của các cơ quan quản lý có thẩm quyền như UBND tỉnh, thành phố, Bộ KH&CN).

1. Thông tin chung về dự án (cơ quan chủ quản, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ, thời gian thực hiện dự án, cấp quản lý...)

2. Mục tiêu (theo thuyết minh đã được phê duyệt)

3. Nội dung (theo thuyết minh đã được phê duyệt)

4. Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, chất lượng, quy mô của sản phẩm theo hợp đồng, thuyết minh dự án đã được phê duyệt và điều chỉnh (nếu có).

B. Kết quả triển khai thực hiện dự án

I. Công tác tổ chức, quản lý điều hành để triển khai thực hiện dự án

1. Tình hình chung

2. Thành lập Ban quản lý dự án ở các cấp

3. Chọn điểm, chọn đối tượng, chọn hộ để tiếp nhận và triển khai thực hiện các nội dung của dự án v.v...).

II. Kết quả thực hiện các nội dung

1. Điều tra, khảo sát bổ sung thực trạng tại vùng dự án

2. Công tác chuyển giao công nghệ

3. Công tác đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn

4. Xây dựng các các mô hình

a) Mô hình.....

b) Mô hình.....

.....

5. Tình hình sử dụng lao động

5.1. Lao động trực tiếp sản xuất: lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên, lao động phổ thông

5.2. Lao động gián tiếp: lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên, lao động phổ thông

6. Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ Trung ương và địa phương, huy động đối ứng từ các thành phần kinh tế để thực hiện dự án

6.1. Sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW và địa phương đến này nghiệm thu

6.2. Sử dụng kinh phí nguồn khác đến ngày nghiệm thu so với thuyết minh đã được phê duyệt

6.3. Doanh thu hàng năm

6.4. Lợi nhuận dòng hàng năm

7. Tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án

8. Thông tin tuyên truyền và biện pháp khuyến khích nhân rộng kết quả của dự án

9. Tổng hợp kết quả đạt được của các nội dung so với hợp đồng và thuyết minh dự án

a) Về quy mô và số lượng

Số TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng, quy mô theo hợp đồng và thuyết minh	Số lượng, quy mô thực hiện	% thực hiện
1	Sản phẩm...				
2	Sản phẩm...				
	.....				

b) Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng

Số TT	Sản phẩm	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng theo hợp đồng và thuyết minh	Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chất lượng đạt được
1	Sản phẩm...		
2	Sản phẩm...		
	.....		

III. Phân tích đánh giá kết quả đạt được của dự án theo các nội dung

1. Công tác chuyển giao công nghệ *(mức độ làm chủ được công nghệ của người tiếp nhận công nghệ, kết quả triển khai thực hiện các công nghệ, những điều chỉnh bổ sung trong các quy trình công nghệ để phù hợp với địa bàn...)*

2. Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng *(nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đã đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký)*

3. Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án *(phối hợp giữa cơ quan chủ trì dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức triển khai thực hiện dự án...)*

4. Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án *(kinh phí dự án được sử dụng đúng mục đích và chi theo đúng quy định của Nhà nước, huy động nguồn kinh phí đối ứng cho dự án...)*

5. Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án *(tính toán và phân tích hiệu quả trực tiếp từ kết quả dự án và hiệu quả đối với xã hội và môi trường của dự án; nhận thức người dân; giải quyết vấn đề lao động địa phương; mức thu nhập trước và sau khi thực hiện dự án; tính phù hợp của công nghệ được chuyển giao; vai trò của khoa học và công nghệ đối với dự án, đánh giá về kết quả tiếp thu công nghệ của các hộ nông dân tham gia thực hiện dự án... Bình quân thu nhập trước và sau khi có dự án; năng suất và diện tích canh tác trước và sau khi có dự án hoặc trong mô hình so với đại trà đối với trồng trọt; sản lượng hoặc số lượng thu được trước và sau khi có dự án đối với thủy sản hoặc chăn nuôi; doanh thu trước và sau khi có dự án đối với doanh nghiệp...; có thể căn cứ tùy theo nội dung của dự án để đánh giá)*

6. Khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng kết quả của dự án *(phương án duy trì và nhân rộng mô hình của dự án vào các địa bàn tương tự);*

7. Đánh giá tiềm lực của đơn vị chủ trì trước và sau khi triển khai dự án *(theo hướng khả năng duy trì và mở rộng quy mô dự án (tiềm lực về con người như số lượng đã được đào tạo, tập huấn, trình độ KH&CN; doanh thu của đơn vị; công nghệ đã được tiếp nhận và làm chủ; tiềm lực về vật chất như trang thiết bị, cơ sở vật chất đã được trang bị trong quá trình thực hiện dự án)*

C. Kết luận và kiến nghị

1. Kết luận *(Thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai dự án, duy trì và nhân rộng kết quả thực hiện dự án; đề xuất và kiến nghị, đặc biệt kiến nghị về cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án cùng thực hiện trên địa bàn, duy trì và nhân rộng kết quả thực hiện dự án).*

2. Kiến nghị và đề xuất

- Về cơ chế chính sách;
- Về tổ chức quản lý...

....Ngày... tháng... năm...

Chủ nhiệm dự án	**Cơ quan chủ trì**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

Phụ lục 3

QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA CÁC HỘI ĐỒNG NGHIỆM THU

(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BKHCN ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

QUY TRÌNH LÀM VIỆC CỦA CÁC HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DỰ ÁN

thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015"

I. Phiên họp của Hội đồng đánh giá nghiệm thu

Phiên họp của các Hội đồng đánh giá nghiệm thu dự án chỉ được tổ chức sau khi các thành viên Hội đồng nhận được hồ sơ đánh giá nghiệm thu là 05 ngày và đảm bảo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

II. Quy trình làm việc của phiên họp hội đồng đánh giá nghiệm thu dự án

1. Thư ký của Hội đồng nêu lý do họp Hội đồng, đọc quyết định thành lập Hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự. Thông báo về thời điểm nộp hồ sơ nghiệm thu theo các quy định ghi tại Điều 7 của Thông tư này; thông báo nguyên tắc chấm điểm, xếp loại dự án theo phương thức bỏ phiếu kín.

2. Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) chủ trì phiên họp Hội đồng.

3. Hội đồng bầu 01 thành viên trong Hội đồng làm thư ký khoa học Hội đồng.

4. Thư ký khoa học Hội đồng đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

5. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá.

a) Nội dung thảo luận, nhận xét và đánh giá của Tổ đánh giá kết quả thực hiện mô hình thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Thông tư này.

b) Nội dung thảo luận, nhận xét và đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Thông tư này.

c) Nội dung thảo luận, nhận xét và đánh giá của Hội đồng cấp Nhà nước đối với dự án do Trung ương quản lý thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 của Thông tư này.

6. Hội đồng chấm điểm và xếp loại dự án.

Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả dự án theo thang điểm đã quy định được ghi trên phiếu. Hội đồng tiến hành chấm điểm, xếp loại dự án theo phương

thức bỏ phiếu kín. Những phiếu hợp lệ là những phiếu cho điểm bằng hoặc thấp hơn điểm tối đa đã ghi trên phiếu tương ứng cho từng chỉ tiêu đánh giá.

7. Phiên họp Hội đồng có Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu gồm có 03 đồng chí: đại diện cơ quan/đơn vị tổ chức Hội đồng; thư ký hành chính Hội đồng; thư ký khoa học Hội đồng.

Ban kiểm phiếu và cơ quan tổ chức đánh giá nghiệm thu dự án phải có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin về việc chấm điểm và đánh giá xếp loại dự án của các thành viên hội đồng.

8. Kết luận của Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tổng hợp ý kiến và kết luận đánh giá kết quả thực hiện dự án theo từng nội dung đã được quy định trong mẫu biên bản.

9. Hội đồng thảo luận để thông qua từng nội dung kết luận của Hội đồng.

10. Thư ký khoa học công bố kết quả chấm điểm và xếp loại dự án sau khi đã tổng hợp các ý kiến của thành viên Hội đồng.

11. Trong trường hợp kết quả dự án được đánh giá ở mức "không đạt" Hội đồng xem xét xác định những nội dung công việc đã thực hiện được so với hợp đồng làm căn cứ để các cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét và xử lý./.

Phụ lục 4

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG CẤP TỈNH

(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BKHCN ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ..... **HỘI ĐỒNG KH&CN CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày.... tháng.... năm.....*

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015"

1. Tên Dự án:

2. Tên tổ chức và cá nhân chủ trì Dự án:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Tên tổ chức chuyển giao công nghệ:

4. Họ và tên thành viên Hội đồng *(có thể ghi hoặc không)***:**

Chức danh trong Hội đồng:

5. Đánh giá kết quả của dự án

Số TT	Tên chỉ tiêu	Điểm số		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm đánh giá của Thành viên Hội đồng	
1	Đánh giá kết quả dự án: - Mức độ thực hiện nội dung, quy mô và sản phẩm, kết quả việc chuyển giao công nghệ so với hợp đồng; - Đánh giá hoạt động chuyển giao công nghệ:	**55** 25 15		

Số TT	Tên chỉ tiêu	Điểm số		Ghi chú
		Điểm tối đa	Điểm đánh giá của Thành viên Hội đồng	
	Phương thức chuyển giao, tinh thần trách nhiệm, tính phù hợp với điều kiện của địa phương và sự phối hợp với đơn vị chủ trì dự án; - Mức độ tiếp thu, làm chủ công nghệ của cá nhân, đơn vị tiếp nhận công nghệ	15		
2	Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án	**10**		
3	Năng lực, hiệu quả sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án	**10**		
4	Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án	**10**		
5	Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án	**15**		
	Tổng số:	**100**		

a) Tổng số điểm tối đa là: 100 điểm

+ Từ 90 điểm đến 100 điểm : "Xuất sắc" ☐ ;

+ Từ 75 điểm đến dưới 90 điểm: "Khá" ☐ ;

+ Từ 60 điểm đến dưới 75 điểm: "Đạt" ☐ ;

+ Dưới 60 điểm: "Không đạt" ☐ .

b) Tình trạng vi phạm các quy định:

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ☐ ; không ☐ ;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):

có ☐ ; không ☐ ;

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ☐ ; không ☐ .

6. Các ý kiến lưu ý, bổ sung (nếu có)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Chữ ký và họ tên - có thể ghi hoặc không)

Phụ lục 5

PHIẾU ĐÁNH GIÁ HỘI ĐỒNG CẤP NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BKHCN ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN
thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015"

1. Tên Dự án:

2. Tên tổ chức và cá nhân chủ trì Dự án

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Tên tổ chức chuyển giao công nghệ:

4. Họ và tên thành viên Hội đồng *(có thể ghi hoặc không)***:**

Chức danh trong Hội đồng:

5. Đánh giá kết quả của dự án

Số TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của TVHĐ
1	Đánh giá về công tác chuyển giao công nghệ: *- Mức độ làm chủ được công nghệ của người tiếp nhận công nghệ, kết quả triển khai thực hiện các công nghệ* *- Về cơ quan chuyển giao công nghệ: Phương thức chuyển giao, tinh thần trách nhiệm, tính phù hợp với điều kiện của địa phương và sự phối hợp với đơn vị chủ trì dự án*	**20** 10 10	

Số TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của TVHĐ
2	Mức độ thực hiện các nội dung và quy mô đã đề ra của dự án: - Nội dung và quy mô đã thực hiện được so với nội dung và quy mô đã đăng ký tại thuyết minh dự án và hợp đồng đã ký: - Vượt mức so với đăng ký (mỗi nội dung và quy mô vượt mức 20% so với đăng ký được 1 điểm, tổng không vượt 5 điểm)	**35** 25 10	
3	Phương pháp tổ chức, quản lý và chỉ đạo thực hiện dự án *(phối hợp giữa cơ quan chủ trì dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ và địa bàn tiếp nhận dự án, phương pháp tổ chức, quản lý triển khai thực hiện dự án...)*	**10**	
4	Quản lý tài chính dự án *(kinh phí dự án được sử dụng đúng mục đích và chi theo đúng quy định của Nhà nước, huy động nguồn kinh phí đối ứng cho dự án...)*	**5**	
5	Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án: *(hiệu quả trực tiếp từ kết quả dự án và hiệu quả đối với xã hội của dự án)*	**10**	
6	Khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng kết quả của dự án sau khi kết thúc: *- Chứng minh được khả năng duy trì kết quả dự án* *- Phương án mở rộng hoặc nhân rộng mô hình của dự án vào các địa bàn tương tự*	**20** 10 10	
	Tổng số	**100**	

Tổng số điểm tối đa là: 100 điểm

+ Từ 90 điểm đến 100 điểm : "Xuất sắc" ☐ ;

+ Từ 75 điểm đến dưới 90 điểm: "Khá" ☐ ;

+ Từ 60 điểm đến dưới 75 điểm: "Đạt" ☐ ;

+ Dưới 60 điểm: "Không đạt" ☐ .

6. Tình trạng vi phạm các quy định:

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ☐ ; không ☐ ;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):

có ☐ ; không ☐ ;

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ☐ ; không ☐ .

7. Các ý kiến lưu ý, bổ sung (nếu có)**:**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Chữ ký và họ tên - có thể ghi hoặc không)

Phụ lục 6
BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG CẤP TỈNH
(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BKHCN ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ
.....
HỘI ĐỒNG KH&CN CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN CẤP TỈNH, THÀNH PHỐ ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DỰ ÁN
thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015"

A. Những thông tin chung

1. Tên dự án:

2. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án:

- Chủ nhiệm dự án:

3. Thời gian thực hiện dự án:

Hợp đồng số:..... ngày..... tháng..... năm.....

4. Tổng kinh phí thực hiện dự án:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Địa phương:

- Kinh phí nguồn khác:

5. Quyết định thành lập Hội đồng:

Số:...../QĐ-BKHCN ngày.... tháng.... năm.... của.....

6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian:..... ngày.... tháng.... năm....

7. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng...../.....; vắng..... thành viên, gồm các thành viên:

.....

.....

.....

8. Khách mời:

.....

.....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã kiểm tra hồ sơ của dự án (theo hợp đồng đã ký), đã nghe các ủy viên phản biện đọc bản nhận xét, phân tích kết quả dự án.

Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá kết quả dự án của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ kết quả của dự án theo báo cáo tổng kết dự án và đối chiếu với hợp đồng và thuyết minh đã được phê duyệt.

Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện dự án:

a) Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng

b) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án

c) Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án

d) Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án

e) Khả năng duy trì và nhân rộng kết quả của dự án

3. Hội đồng đã chấm điểm, xếp loại và bỏ phiếu đánh giá.

4. Tình trạng vi phạm các quy định:

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ☐ ; không ☐ ;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):

có ☐ ; không ☐ ;

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ☐ ; không ☐ ;

5. Kết quả đánh giá của Hội đồng

+ Dự án sẽ bị trừ 10 điểm theo kết quả bỏ phiếu của Hội đồng nếu nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định từ 60 ngày đến 90 ngày mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với dự án nhóm Trung ương quản lý hoặc ý kiến chấp thuận của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố đối với dự án nhóm ủy quyền địa phương quản lý; bị trừ 15 điểm nếu nộp chậm trên 90 ngày đến 180 ngày; bị trừ 20 điểm nếu nộp chậm trên 180 ngày đến 360 ngày. Sau 360 ngày dự án sẽ bị đánh giá "không đạt'':

bị trừ 10 điểm ☐ ; bị trừ 15 điểm ☐ ;

bị trừ 20 điểm ☐ ; không đạt ☐ .

6. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, dự án được bình quân tổng số điểm:..... và được đánh giá đạt loại:.....

7. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

....., ngày... tháng... năm...

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

GHI CHÉP Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và Họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và Họ tên)

Phụ lục 7
BIÊN BẢN HỘI ĐỒNG CẤP NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BKHCN ngày 22 tháng 01 năm2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC
ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU DỰ ÁN
thuộc Chương trình "Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015"

A. Những thông tin chung

1. Tên dự án:

2. Cơ quan chủ trì thực hiện dự án:

- Chủ nhiệm dự án:

3. Thời gian thực hiện dự án:

Hợp đồng số:..... ngày.... tháng.... năm....

4. Tổng kinh phí thực hiện dự án:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương:

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Địa phương:

- Kinh phí nguồn khác:

5. Quyết định thành lập Hội đồng:

Số:...../QĐ-BKHCN ngày.... tháng.... năm.... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

6. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Địa điểm:

- Thời gian:..... ngày..... tháng..... năm.....

7. Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên Hội đồng...../.....; vắng..... thành viên, gồm các thành viên:

.....

.....

.....

8. Khách mời:

.....

.....

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng đã kiểm tra hồ sơ của dự án (theo hợp đồng đã ký), đã nghe các ủy viên phản biện đọc bản nhận xét, phân tích kết quả dự án.

Thư ký Hội đồng đã đọc bản nhận xét đánh giá kết quả dự án của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ kết quả của dự án theo báo cáo tổng kết dự án và đối chiếu với hợp đồng và thuyết minh đã được phê duyệt.

Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện dự án:

a) Mức độ thực hiện nội dung và quy mô so với hợp đồng

b) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án

c) Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách và huy động kinh phí đối ứng để thực hiện dự án

d) Kết quả công tác chuyển giao công nghệ, sự phối hợp của cơ quan chuyển giao công nghệ trong việc tổ chức thực hiện dự án và năng lực của đơn vị chuyển giao công nghệ

đ) Hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của dự án

e) Khả năng duy trì, phát triển và nhân rộng kết quả của dự án

3. Hội đồng đã chấm điểm, xếp loại và bỏ phiếu đánh giá.

4. Tình trạng vi phạm các quy định:

+ Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực: có ☐ ; không ☐ ;

+ Vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí của dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền):

có ☐ ; không ☐ ;

+ Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung: có ☐ ; không ☐ ;

5. Kết quả đánh giá của Hội đồng

+ Dự án sẽ bị trừ 10 điểm theo kết quả bỏ phiếu của Hội đồng nếu nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với tiến độ quy định từ 45 ngày đến 90 ngày kể từ ngày đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh; bị trừ 15 điểm nếu nộp chậm trên 90 ngày đến 180 ngày; bị trừ 20 điểm nếu nộp chậm trên 180 ngày đến 360 ngày. Sau 360 ngày dự án sẽ bị đánh giá "không đạt'':

bị trừ 10 điểm ☐ ; bị trừ 15 điểm ☐ ;

bị trừ 20 điểm ☐ ; không đạt ☐ .

6. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, dự án được bình quân tổng số điểm:..... và được đánh giá đạt loại:.....

7. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

....., ngày.... tháng.... năm.....

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và họ tên)

GHI CHÉP Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Thư ký Hội đồng
(Chữ ký và Họ tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Chữ ký và Họ tên)

Phụ lục 8

MẪU BÁO CÁO GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Thông tư số 02/2013/TT-BKHCN ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CỦA HỘI ĐỒNG

I. Thông tin chung

1. Tên dự án:
2. Chủ nhiệm dự án:
3. Cơ quan chủ trì dự án:
4. Quyết định thành lập hội đồng:

Thời gian họp:

II. Giải trình ý kiến theo kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu

1. Những vấn đề, nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện vào trong hồ sơ đánh giá nghiệm thu *(Liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng)*:

.....

.....

.....

2. Những vấn đề bổ sung mới:

.....

.....

.....

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được hoặc bảo lưu ý kiến của cơ quan chủ trì *(nêu rõ lý do)*:

.....

.....

.....

III. Kiến nghị của chủ nhiệm và cơ quan chủ trì dự án *(nếu có)*

.....

.....

XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG	**CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*